

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
376 ĐIỆN BIÊN PHỦ - Q.10 - TP.HCM



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 33778
	Giờ..... Ngày 31 tháng 10 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2011	01/07/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.342.008.046	123.594.368.710
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.177.989.073	9.710.716.205
1. Tiền	111		14.177.989.073	8.710.716.205
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.977.110.000	1.835.360.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.870.810.000	5.729.060.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.893.700.000)	(3.893.700.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.198.337.232	49.077.242.099
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	30.687.695.801	21.654.298.014
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.079.672.705	1.663.646.792
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	22.675.968.726	29.004.297.293
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(3.245.000.000)	(3.245.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		48.028.430.932	52.717.242.846
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55.147.405.170	59.836.217.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(7.118.974.238)	(7.118.974.238)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.960.140.809	10.253.807.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	745.771.311	691.521.092
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.661.871.792	5.174.709.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		690.030.771	690.030.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	3.862.466.935	3.697.546.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.672.688.646	158.895.541.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

II. Tài sản cố định	220		41.411.129.570	41.608.920.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10.504.825.904	10.764.384.389
<i>Nguyên giá</i>	222		19.162.660.913	19.201.660.913
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.657.835.009)	(8.437.276.524)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	5.016.502.139	5.037.964.460
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(364.490.701)	(343.028.380)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	25.889.801.527	25.806.571.777
III. Bất động sản đầu tư	240		26.917.749.912	27.061.863.207
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.693.123.918)	(1.549.010.623)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		87.150.374.126	89.314.019.126
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	61.584.071.736	61.584.071.736
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	27.385.814.448	29.549.459.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1.819.512.058)	(1.819.512.058)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.193.435.038	910.738.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.193.435.038	910.738.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.014.696.692	282.489.910.406

		Mã số	Thuyết minh	
			30/09/2011	01/07/2011
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		58.814.458.460	62.461.382.230
I. Nợ ngắn hạn	310		58.737.638.617	62.384.562.387
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	13.339.246.947	6.950.492.750
2. Phải trả người bán	312	V.22	20.978.914.305	11.424.119.138
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	78.734.295	185.560.203
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	692.353.642	110.463.407
5. Phải trả người lao động	315		3.461.000	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	23.644.928.428	43.713.926.889
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

II. Nợ dài hạn	330		76.819.843	76.819.843
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	76.819.843	76.819.843
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230.200.238.232	220.028.528.176
I. Vốn chủ sở hữu	410		230.200.238.232	220.028.528.176
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	104.948.405.377	104.948.405.377
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	18.527.815.436	8.356.105.380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.014.696.692	282.489.910.406

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, P.11, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.185.197.755	63.880.568.925	231.507.049.416	231.163.505.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	61.100.009	439.340.250	260.360.252	996.638.973
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.124.097.746	63.441.228.675	231.246.689.164	230.166.866.268
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	107.433.052.996	62.480.955.735	228.171.910.629	225.058.321.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.691.044.750	960.272.940	3.074.778.535	5.108.544.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11.944.970.895	16.799.955.153	22.087.403.354	38.863.946.885
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	418.231.935	6.825.120.292	2.132.651.738	19.420.902.978
Trong đó: chi phí lãi vay	23		358.817.511	1.665.110.430	800.567.856	2.892.912.233
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	3.270.052.761	2.196.021.455	8.407.353.562	8.123.336.041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	2.740.930.416	2.257.160.480	8.023.946.404	6.688.734.877
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.206.800.533	6.481.925.866	6.598.230.185	9.739.517.849
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.964.911.808	2.232.677.994	10.581.307.486	22.644.538.917
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.285	28.792.185	1.005.085	185.918.558
13. Lợi nhuận khác	40		2.964.909.523	2.203.885.809	10.580.302.401	22.458.620.359
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.171.710.056	8.685.811.675	17.178.532.586	32.198.138.208
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	1.938.527.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, P.11, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.171.710.056	8.685.811.675	17.178.532.586	30.259.610.700
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.063	908	1.795	3.162



Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

S.B.K.K.D.0301177P.HCM, ngày 31 tháng 10 năm 2011



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		109.487.981.104
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(102.598.882.993)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.020.982.097)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(358.817.511)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.585.983.257
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.903.293.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.191.987.793
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.240.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.223.530.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.983.530.878

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		27.608.820.935
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.220.066.738)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.097.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.708.245.803)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.467.272.868
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	9.710.716.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	20.177.989.073

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2011

I. I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỷ kế toán**
Kỷ kế toán bắt đầu từ ngày 01/07/2011 đến ngày 30/09/2011
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thiết kế các quầy kệ bán hàng tại khu vực sân bay

Khoản chi phí làm các quầy kệ tại khu vực sân bay, chi phí này được phân bổ trong thời gian 56 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc để đảm bảo chi trả cho các nhân viên trong thời gian làm việc tại Công ty đến 31/12/2008. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2011	01/07/2011
Tiền mặt	386.273.581	266.196.484
Tiền gửi ngân hàng	13.791.715.492	8.444.519.721
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	20.177.989.073	9.710.716.205

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011		01/07/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	15.000	1.872.000.000	15.000	1.872.000.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	7	60.000	7	60.000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	6.000	828.000.000	6.000	828.000.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	108.675	2.190.750.000	94.500	2.049.000.000
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Cộng		5.870.810.000		5.729.060.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

* Cổ phiếu NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB) : tăng do mua thêm 14.175 cổ phiếu .

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.893.700.000)	(3.893.700.000)

4. Phải thu khách hàng

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	30.237.756.583	21.440.426.511
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	78.593.450	49.167.999
Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội	237.370.764	132.543.505
Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ	133.975.004	32.159.999
Cộng	30.687.695.801	21.654.298.014

5. Trả trước cho người bán

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.899.056.705	1.478.211.791
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	180.616.000	185.435.001
Cộng	2.079.672.705	1.663.646.792

6. Các khoản phải thu khác

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11.000.000.000	21.000.000.000
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	1.534.451.872	772.552.235
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	3.499.312.388	2.941.460.398
Tài khoản Công ty CK Ngân hàng Đông Á	713.239.416	176.732.183
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Đầu Tư và Thương Mại TIE-XIM	1.740.000.000	
Các khoản phải thu khác	978.965.050	903.552.477
Cộng	22.675.968.726	29.004.297.293

(*) Khoản phải thu Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Cộng	(3.245.000.000)	(3.245.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**8. Hàng tồn kho**

	30/09/2011	01/07/2011
Hàng mua đang đi trên đường	25.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	133.327.898	138.002.001
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.557.094	41.829.566
Thành phẩm	137.325.198	114.181.362
Hàng hóa	54.715.375.975	59.452.203.938
Hàng gửi đi bán	94.819.005	90.000.217
Cộng	55.147.405.170	59.836.217.084

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	30/09/2011	01/07/2011
Hàng hóa	(7.118.974.238)	(7.118.974.238)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<i>Văn phòng Công ty</i>	655.523.327	174.827.273	357.615.478	472.735.122
Chi phí trả trước	1.867.854	827.273	2.695.127	-
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh	151.846.819	174.000.000	107.895.910	217.950.909
Chi phí thuê đất	478.529.336		239.264.668	239.264.668
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	23.279.318		7.759.773	15.519.545
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	3.669.698	15.027.272	7.415.152	11.281.818
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	32.328.067	483.510.681	254.084.377	261.754.371
Cộng	691.521.092	1.814.865.916	1.217.122.027	745.771.311

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2011	01/07/2011
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	349.144.500	184.224.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	3.862.466.935	3.697.546.435

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	12.713.714.365	1.521.636.479	4.168.861.860	797.448.209	19.201.660.913
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	-	-	-
Mua mới	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	39.000.000	-	-	39.000.000
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	-	-	-
Nhượng bán	-	39.000.000	-	-	39.000.000
4. Số cuối kỳ	12.713.714.365	1.482.636.479	4.168.861.860	797.448.209	19.162.660.913

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

568.062.102	1.400.185.387	166.000.000	267.030.896	2.401.278.385
-------------	---------------	-------------	-------------	---------------

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.401.278.385 đồng

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	5.000.439.991	1.491.906.909	1.332.803.652	612.125.972	8.437.276.524
Tăng trong kỳ	122.350.119	3.791.388	100.071.549	33.345.429	259.558.485
Giảm trong kỳ	-	(39.000.000)	-	-	(39.000.000)
Số cuối kỳ	5.122.790.110	1.456.698.297	1.432.875.201	645.471.401	8.657.835.009

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	7.713.274.374	29.729.570	2.836.058.208	185.322.237	10.764.384.389
Số cuối kỳ	7.590.924.255	25.938.182	2.735.986.659	151.976.808	10.504.825.904

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	343.028.380	-	343.028.380
Tăng trong kỳ	21.462.321	-	21.462.321
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	364.490.701	0	364.490.701

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	515.464.460	4.522.500.000	5.037.964.460
Số cuối kỳ	494.002.139	4.522.500.000	5.016.502.139

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
XDCB dở dang		
- Chi phí thiết kế văn phòng Phú Quốc	124.966.234	109.090.909
- Dự án 376 Điện Biên Phủ	25.454.545.455	25.454.545.455
- Khác	310.289.838	242.935.413
Cộng	<u>25.889.801.527</u>	<u>25.806.571.777</u>

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nguyên giá	28.610.873.830		28.610.873.830
Giá trị hao mòn	1.549.010.623	144.113.295	1.693.123.918
Giá trị còn lại	27.061.863.207	-	26.917.749.912

Bất động sản đầu tư gồm:

* Quyền sử dụng thửa đất đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

* Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở	
	<u>hữu</u>	<u>Vốn đầu tư</u>
- Công ty Điện tử Samsung Vina	20%	53.665.056.000
- Công ty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam	49%	7.919.015.736
Cộng		<u>61.584.071.736</u>

Góp vốn liên doanh vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3,492,000 USD hay 53.665.056.000 đồng (chiếm 20% vốn pháp định) trong vòng 20 năm kể từ năm 1995.

Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam với giá trị 7.919.015.736 đồng, tương đương 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**17. Đầu tư dài hạn khác**

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	30/09/2011		01/07/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	822.289	10.782.984.448	987.289	12.946.629.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Rovon	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		27.385.814.448		29.549.459.448

Trong kỳ bán 165.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2011	01/07/2011
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(1.819.512.058)	(1.819.512.058)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Văn phòng Công ty</i>	908.458.071	673.615.326	390.838.359	1.191.235.038
<i>Chi nhánh Cần Thơ</i>	2.280.666	4.400.000	4.480.666	2.200.000
Cộng	910.738.737	678.015.326	395.319.025	1.193.435.038

21. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2011	01/07/2011
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	13.339.246.947	-

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 11.773001/HĐTĐHM ngày 06 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2011. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu kỳ (01/07/2011)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (30/09/2011)
Vay ngắn hạn - VND	6.950.492.750	27.608.820.935	0	(21.220.066.738)	13.339.246.947
Vay ngắn hạn - USD	-	-	-	-	-
Cộng	6.950.492.750	27.608.820.935	0	(21.220.066.738)	13.339.246.947

22. Phải trả người bán

	30/09/2011	01/07/2011
Công ty Điện tử Samsung Vina	19.938.909.479	11.309.552.212
A-DATA Technology Co., Ltd	1.024.675.272	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.329.554	114.566.926
Cộng	20.978.914.305	11.424.119.138

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

23. Người mua trả tiền trước

	30/09/2011	01/07/2011
Văn phòng Công ty	76.234.295	179.924.206
Chi nhánh Hà Nội		35.997
Chi nhánh Phú Quốc	2.500.000	5.600.000
Cộng	78.734.295	185.560.203

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/07/2011	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 30/09/2011
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.321.578	152.718.315	184.446.793	20.593.100
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		816.511.758	216.852.766	599.658.992
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				-
- Thuế xuất, nhập khẩu		51.390.802	36.129.095	15.261.707
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	58.141.829	74.085.634	75.387.620	56.839.843
- Thuế nhà đất	-			-
- Tiền thuê đất	-			-
- Các loại thuế khác	-			-
- Các khoản phí, lệ phí khác	-			-
Cộng	(579.567.364)	1.094.706.509	512.816.274	2.322.871

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.171.710.056	8.685.811.675
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(11.219.986.400)	(10.626.001.353)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	11.219.986.400	10.626.001.353
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.048.276.344)	(1.940.189.678)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết CP số 30/2008	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2011	01/07/2011
Bảo hiểm xã hội	-	1.754.786
Kinh phí công đoàn	47.534.804	43.312.454
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	388.449.000	20.485.449.000
Cty CP Bất động sản EXIM	23.075.000.000	23.075.000.000
Các khoản phải trả khác	133.944.624	108.410.649
Cộng	23.644.928.428	43.713.926.889

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>30/09/2011</u>	<u>01/07/2011</u>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	76.819.843	76.819.843

27. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quý đầu tư phát triển</u>	<u>Quý dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
Số đầu kỳ	95.699.000.000	104.948.405.377	11.025.017.419	8.356.105.380
Số cuối kỳ	95.699.000.000	104.948.405.377	11.025.017.419	18.527.815.436

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		<u>Tỷ lệ (%)</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010
Tổng doanh thu	109.185.197.755	63.880.568.925
- Doanh thu bán hàng hóa	103.149.833.335	58.635.458.064
- Doanh thu bán thành phẩm	624.480.654	787.381.263
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.758.251	86.211.818
- Doanh thu khác	16.545.455	26.882.795
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	3.718.260.113	3.200.905.220
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	1.377.363.212	665.330.102
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	258.956.735	478.399.663
Các khoản giảm trừ doanh thu	61.100.009	439.340.250
- Hàng bán bị trả lại	61.100.009	439.340.250
Doanh thu thuần	109.124.097.746	63.441.228.675

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	382.409.238	437.386.954
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	102.710.224.575	58.762.629.252
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	2.821.478.307	2.297.203.743
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	1.288.066.712	524.764.018
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	230.874.164	458.971.768
Cộng	107.433.052.996	62.480.955.735

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010
Lãi tiền gửi	148.421.517	81.872.890
Lãi đầu tư cổ phiếu	364.855.000	-
Lợi nhuận được chia	11.219.986.400	10.000.000.000
Cổ tức	211.707.978	626.001.353
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	6.580.910
Thu được từ bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	-	6.085.500.000
Khác	-	-
Cộng	11.944.970.895	16.799.955.153

4. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010
Chi phí lãi vay	358.817.511	1.665.110.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.201.174	110.009.862
Giá vốn từ việc bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	-	5.050.000.000
Chi phí khác	6.213.250	0
Cộng	418.231.935	6.825.120.292

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý III năm 2011</u>	<u>Quý III năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	1.456.867.784	1.095.901.801
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.691.818	7.115.069
Chi phí dụng cụ bán hàng	46.094.137	30.757.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.081.428	152.790.381
Chi phí bảo hành	45.620.892	61.694.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.996.922	671.547.569
Chi phí khác	868.699.780	176.214.810
Cộng	3.270.052.761	2.196.021.455

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III năm 2011</u>	<u>Quý III năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	1.242.639.385	1.119.303.423
Chi phí vật liệu quản lý	37.745.444	22.744.939
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.012.586	37.598.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.052.673	249.149.592
Thuế, phí và lệ phí	125.532.898	87.627.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.125.579	210.709.504
Chi phí khác	774.821.851	530.027.725
Cộng	2.740.930.416	2.257.160.480

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III năm 2011</u>	<u>Quý III năm 2010</u>
Thu khác	4.705.607	1.632
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2.960.206.201	2.086.781.362
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	80.000.000
Thu hỗ trợ khác	-	65.895.000
Cộng	2.964.911.808	2.232.677.994

8. Chi phí khác

	<u>Quý III năm 2011</u>	<u>Quý III năm 2010</u>
Nộp phạt thuế	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	28.791.096
Chi phí khác	2.285	1.089
Cộng	2.285	28.792.185

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2011

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

